

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2018 - 2019, NGÀNH ĐIỆN LỰC VÀ VIỄN THÔNG

Phần thi: III.2. Những vấn đề cơ bản về Quản lý hành chính nhà nước

Ngày thi: 26... tháng 8 năm 2019;

Thời gian thi: 180... phút

SBD	Họ Và Tên	Ngày sinh	Số tờ	Chữ ký	Số phách	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
01	Lại Văn Anh	18/4/1984	02		47	72,5	Bảy hai năm	
02	Lê Văn Ánh	27/12/1973	03		71	77,5	Bảy bảy năm	
03	Lương Việt Bắc	01/5/1972	02		23	8,5	Tám năm	
04	Lê Trọng Bình	15/8/1968	02		26	72,5	Bảy hai năm	
05	Lê Văn Bình	08/04/1967	02		44	70	Bảy	
06	Nguyễn Việt Cầu	15/8/1971	02		17	72,5	Bảy hai năm	
07	Lê Xuân Cường	27/04/1978	02		55	75	Bảy năm	
08	Nguyễn Mạnh Cường	27/09/1973	02		69	72,5	Bảy hai năm	
09	Phạm Hoài Đăng	23/4/1988						
10	Trương Tiến Điệp	14/10/1978	02		27	70	Bảy	
11	Lê Thanh Đông	20/10/1973	02		36	72,5	Bảy hai năm	
12	Triệu Hồ Đức	17/12/1976	03		20	72,5	Bảy hai năm	
13	Cao Bá Dũng	16/04/1973	02		19	72,5	Bảy hai năm	
14	Lê Anh Dũng	4/3/1974	02		62	70	Bảy	
15	Lương Tiến Dũng	25/11/1970	02		42	70	Bảy	
16	Nguyễn Chí Dũng	05/6/1970	2		34	75	Bảy năm	
17	Phạm Quốc Dũng	28/03/1982	03		30	77,5	Bảy bảy năm	
18	Trần Văn Dũng	20/10/1974	02		1	75	Bảy năm	
19	Đoàn Ngọc Đứng	25/08/1973	02		75	67,5	Sáu bảy năm	
20	Phùng Thị Duyên	10/10/1976	02		51	80	Tám	
21	Hoàng Văn Hải	22/8/1979	02		28	72,5	Bảy hai năm	
22	Trần Văn Hải	27/9/1977	02		3	75	Bảy năm	
23	Nguyễn Văn Hào	01/10/1978	02		31	75	Bảy năm	
24	Bùi Thị Hiếu	16/5/1980	03		39	80	Tám	
25	Lê Hưng Hùng	10/06/1969	02		70	75	Bảy năm	
26	Nguyễn Công Hướng	01/02/1982	02		43	80	Tám	

SBD	Họ Và Tên	Ngày sinh	Số tờ	Chữ ký	Số phách	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	Trần Văn Hường	25/4/1981	2		56	75	Bảy năm	
28	Nguyễn Văn Huy	02/10/1976	2		15	70	Bảy	
29	Vũ Duy Khang	29/08/1965	2		22	75	Bảy năm	
30	Đặng Ngọc Kháng	02/05/1978	02		73	70	Bảy	
31	Nguyễn Văn Khoa	05/01/1964	02		4	725	Bảy, hai năm	
32	Vương Trung Kiên	13/8/1986	02		19	84	Tám	
33	Phan Xuân Kỳ	04/03/1975	02		5	725	Bảy, hai năm	
34	Nguyễn Văn Lai	14/02/1975	02		25	75	Bảy năm	
35	Trương Văn Lâm	26/11/1975	02		104	75	Bảy năm	
36	Nguyễn Ngọc Lân	20/12/1980	02		37	725	Bảy, hai năm	
37	Đinh Hoàng Lê	31/01/1975	02		21	70	Bảy	
38	Bùi Duy Linh	30/12/1981	02		29	75	Bảy năm	
39	Nguyễn Văn Lộc	10/05/1981						Nghỉ?
40	Nguyễn Văn Lộc	10/03/1972	02		40	725	Bảy, hai năm	
41	Chế Quang Luật	10/2/1972	02		59	75	Bảy năm	
42	Nguyễn Văn Lực	03/01/1982	02		49	75	Bảy năm	
43	Nguyễn Bá Lư	20/02/1985	02		10	725	Bảy, hai năm	
44	Võ Văn Mạnh	16/1/1974	3		60	725	Bảy, hai năm	
45	Lê Kim Nam	07/07/1972	02		76	75	Bảy năm	
46	Lê Thanh Nguyên	06/02/1981	02		57	725	Bảy, hai năm	
47	Mai Đình Phong	02/09/1968						Nghỉ?
48	Trần Văn Phúc	27/8/1984	02		74	75	Bảy năm	
49	Trần Vĩnh Phước	10/11/1986	02		54	70	Bảy	
50	Văn Đình Phương	19/03/1978	03		18	75	Bảy năm	
51	Nguyễn Thanh Sang	08/01/1976	02		33	70	Bảy	
52	Nguyễn Văn Sỹ	20/04/1966	02		72	775	Bảy, bảy năm	
53	Lê Đức Tâm	02/07/1981	03		8	775	Bảy, bảy năm	
54	Nguyễn Văn Tâm	24/07/1980	02		67	75	Bảy năm	
55	Mai Thế Tạo	08/10/1969	02		53	75	Bảy năm	
56	Nguyễn Văn Thán	14/8/1980						Nghỉ?
57	Trương Chí Thành	13/10/1975	02		12	75	Bảy năm	
58	Nguyễn Tất Thịnh	07/9/1981	02		61	725	Bảy, hai năm	

SBD	Họ Và Tên	Ngày sinh	Số tờ	Chữ ký	Số phách	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
59	Nguyễn Văn Thoan	24/05/1970	02		11	6.75	Sáu, bảy năm	
60	Nguyễn Tất Thủy	27/02/1971	02		9	7.25	Bảy, hai năm	
61	Lê Minh Tiến	12/6/1983	02		35	7.5	Bảy, năm	
62	Phạm Quốc Tiến	09/01/1984	03		38	7.5	Bảy, năm	
63	Hồ Đức Toàn	05/05/1975	02		2	7.0	Bảy	
64	Trần Quốc Toàn	20/3/1973	02		65	7.5	Bảy, năm	
65	Hoàng Thị Trang	20/10/1980	02		66	8.0	Tám	
66	Trương Hữu Trí	10/07/1977	03		64	7.5	Bảy, năm	
67	Nguyễn Xuân Triều	13/09/1973	02		24	7.5	Bảy, năm	
68	Lê Phước Trung	26/02/1977						Nghi
69	Nguyễn Tất Tú	03/11/1975	02		50	7.5	Bảy, năm	
70	Trần Anh Tú	19/9/1977	02		43	7.0	Bảy	
71	Hoàng Anh Tuấn	09/12/1981	02		18	7.5	Bảy, năm	
72	Nguyễn Công Tuấn	10/12/1968	01		6	6.75	Sáu, bảy năm	
73	Nguyễn Quốc Tuấn	21/7/1972	02		52	7.0	Bảy	
74	Hoàng Việt Tùng	04/07/1978	02		16	6.75	Sáu, hai năm	
75	Nguyễn Văn Tùng	20/9/1983	02		32	7.0	Bảy	
76	Huỳnh Văn Tường	06/02/1981	02		7	7.25	Bảy, hai năm	
77	Nguyễn Việt	28/09/1980	02		63	7.25	Bảy, hai năm	
78	Trần Quốc Việt	13/09/1977	02		15	7.25	Bảy, hai năm	
79	Nguyễn Văn Vinh	25/08/1964	03		68	7.25	Bảy, hai năm	
80	Võ Vương Vĩnh	09/08/1979	02		58	8.0	Tám	
81	Nguyễn Hồng Vân	27/7/1980	02		16	8.25	Tám, hai năm	Chuyển từ lớp Y tế sang

Tổng số: 162 tờ / 76 bài

GIÁM KHẢO 1

Ngày 09 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO ĐIỂM

TRƯỞNG KHOA

GIÁM KHẢO 2

Ngày 08 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Nãi Hoài Thu

BAN GIÁM HIỆU

TRƯỞNG

CHÍNH TRỊ

